

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
GIA LAI VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/7/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN
PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH; NGHỊ QUYẾT SỐ 100/2024/NQ-HĐND
NGÀY 12/11/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

1. So sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai với Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI	THUYẾT MINH
NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/7/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	NGHỊ QUYẾT SỐ 100/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/11/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI		
Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi và mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	- Trình bày theo Mẫu số 18. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (ban hành Quy định/Quy chế...) (theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). - Kế thừa cách trình bày của Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND.

	2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.		
Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.	Điều 2. Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở. 1. Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo một số quy định cụ thể và Phụ lục ban hành kèm Nghị quyết này. 2. Các mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở khác không được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.	Điều 2. Điều khoản thi hành 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025. 4. Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nội dung chi và mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có	- Kế thừa quy định tại 02 Nghị quyết hiện hành liên quan đến điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết mới có sự sắp xếp lại nội dung để đảm bảo tính logic, phù hợp. - Bổ sung quy định tại Khoản 4 “<i>Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nội dung chi và mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành</i>” để đảm bảo tính

		hiệu lực thi hành. 5. Đối với khoản chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa thanh toán thì được áp dụng Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này. 6. Khi các văn bản quy định về mức chi viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.	thống nhất trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết. - Bổ sung quy định tại Khoản 5 “<i>Đối với khoản chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa thanh toán thì được áp dụng Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này</i>” để giải quyết các đề liên quan phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng chưa thanh toán.
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/2015/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác phổ	Điều 3. Điều khoản thi hành 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. 3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ Hai mươi bốn thông qua		Đã được sắp xếp vào quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

biển, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.	ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024		
---	---	--	--

2. So sánh, thuyết minh dự thảo Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai (được ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết) với Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI (BAN HÀNH KÈM THEO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT)	THUYẾT MINH
NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/7/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	NGHỊ QUYẾT SỐ 100/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/11/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Quy định này quy định nội dung chi và mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định. 2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến,	Được quy định tại Điều 1 Nghị quyết.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh a) Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai. b) Các mức chi khác liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ	Đối với các mức chi khác không được quy định cụ thể thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (<i>gồm văn bản quy phạm pháp luật của trung ương và địa phương</i>).

giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định. 3. Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo quy định tại Quy định này. 4. Các nội dung chi và mức chi liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của tỉnh.		trường Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. 2. Đối tượng áp dụng Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.	
Điều 2. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù	I. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù	Điều 2. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù	- Cơ sở pháp lý: Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC. - Kế thừa quy định mức chi tại 02 Nghị quyết hiện hành (bằng mức tối đa tại Thông tư số
1. Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định):	1. Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 1.500.000	1. Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 1.500.000 đồng/tờ	

1.500.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.	đồng/tờ gấp đã hoàn thành.	gấp đã hoàn thành.	56/2023/TT-BTC).
2. Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.	2. Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.	2. Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành.	
3. Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.	3. Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.	3. Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành.	
4. Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia): 7.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.	4. Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia): 7.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.	4. Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia): 7.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.	
Điều 3. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch, gồm:	II. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban Chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch	Điều 3. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban Chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch	- Cơ sở pháp lý: Khoản 10 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC. - Tên của Điều bỏ nội dung “Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật” vì Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật được thành lập ở cấp huyện theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Tuy nhiên, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025, chấm dứt hoạt động của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

1. Xây dựng đề cương	1. Xây dựng đề cương	1. Xây dựng đề cương	
a. Xây dựng đề cương chi tiết	a) Xây dựng đề cương chi tiết	a) Xây dựng đề cương chi tiết	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND, cụ thể: - Đối với cấp tỉnh bằng 100% so với mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC. - Đối với cấp xã bằng khoảng 80% so với mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC (bằng mức chi của cấp huyện trước đây).
- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương	- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương	- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương	
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/đề cương	- Cấp huyện: 960.000 đồng/đề cương	-	
- Cấp xã: 800.000 đồng/đề cương	- Cấp xã: 840.000 đồng/đề cương	- Cấp xã: 1.000.000 đồng/đề cương	
b. Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	b) Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	b) Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Kế thừa quy định mức chi tại 02 Nghị quyết hiện hành, cụ thể: - Đối với cấp tỉnh bằng 100% so với mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC. - Đối với cấp xã bằng 80% so với mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC (bằng mức chi của cấp huyện trước đây).
- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	
- Cấp huyện: 1.600.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	- Cấp huyện: 1.600.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	-	
- Cấp xã: 1.300.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	- Cấp xã: 1.400.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	- Cấp xã: 1.600.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	
2. Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	2. Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	2. Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	Kế thừa quy định mức chi tại 02 Nghị quyết hiện hành, cụ thể: - Đối với cấp tỉnh bằng 100% so với mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC. - Đối với cấp xã bằng 80% so
a. Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	a) Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	a) Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	
- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	

- Cấp huyện: 2.400.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	- Cấp huyện: 2.400.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	-	với mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC (bằng mức chi của cấp huyện trước đây).
- Cấp xã: 2.000.000 đồng/ Chương trình, đề án, kế hoạch	- Cấp xã: 2.100.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	- Cấp xã: 2.400.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch	
b. Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	b) Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	b) Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	
- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo	- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo	- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo	
- Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo	- Cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo	-	
- Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo	- Cấp xã: 350.000 đồng/báo cáo	- Cấp xã: 400.000 đồng/báo cáo	
3. Tổ chức họp, tọa đàm góp ý	3. Tổ chức họp, tọa đàm góp ý (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	3. Tổ chức họp, tọa đàm góp ý	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND (bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC).
- Chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi	- Chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi	- Chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi	
- Thành viên dự: 100.000 đồng/người/buổi	- Thành viên dự: 100.000 đồng/người/buổi	- Thành viên dự: 100.000 đồng/người/buổi	
4. Ý kiến tư vấn của chuyên gia: 500.000 đồng/văn bản	4. Ý kiến tư vấn của chuyên gia	4. Ý kiến tư vấn của chuyên gia: 500.000 đồng/văn bản	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND. Theo đó, không chia mức chi theo từng cấp hành chính vì mức chi 500.000 đồng/văn bản tư vấn của chuyên gia là phù hợp với thực tế và để đảm bảo chất lượng công tác tư vấn của chuyên gia. Mức này bằng
-	a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản	-	
-	b) Cấp huyện: 400.000 đồng/văn bản	-	

-	c) Cấp xã: 350.000 đồng/văn bản	-	mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
5. Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch	5. Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch	5. Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND. Theo mức tối đa của Thông tư số 56/2023/TT-BTC và không chia mức chi theo từng cấp hành chính vì mức chi này đảm bảo phù hợp với thực tế và tương ứng với các hoạt động tương tự ở các lĩnh vực khác.
Chủ tịch Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi	a) Chủ tịch Hội đồng	a) Chủ tịch Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi	
-	- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi	-	
-	- Cấp huyện: 160.000 đồng/người/buổi	-	
-	- Cấp xã: 140.000 đồng/người/buổi	-	
Thành viên Hội đồng, thư ký: 150.000 đồng/người/buổi	b) Thành viên Hội đồng, thư ký	b) Thành viên Hội đồng, thư ký: 150.000 đồng/người/buổi	
-	- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi	-	
-	- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi	-	
-	- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi	-	
Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/buổi	c) Đại biểu được mời tham dự	c) Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/buổi	
-	- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi	-	
-	- Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi	-	
-	- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi	-	
Nhận xét, phản biện của Hội đồng: 300.000 đồng/bài viết	d) Nhận xét, phản biện của Hội đồng	d) Nhận xét, phản biện của Hội đồng: 300.000 đồng/bài viết	

-	- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/bài viết	-	
-	- Cấp huyện: 240.000 đồng/bài viết	-	
-	- Cấp xã: 210.000 đồng/bài viết	-	
Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng: 200.000 đồng/bài viết	đ) Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	đ) Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng: 200.000 đồng/bài viết	
-	- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/bài viết	-	
-	- Cấp huyện: 160.000 đồng/bài viết	-	
-	- Cấp xã: 140.000 đồng/bài viết	-	
6. Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch: 500.000 đồng/bài viết (trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch).	6. Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt)	6. Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt): 500.000 đồng/bài viết	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND. Theo đó, không chia mức chi theo từng cấp hành chính vì mức chi 500.000 đồng/bài viết về ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch là phù hợp với thực tế và để đảm bảo chất lượng ý kiến thẩm định. Mức này bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
-	a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/bài viết	-	
-	b) Cấp huyện: 400.000 đồng/bài viết	-	
-	c) Cấp xã: 350.000 đồng/bài viết	-	
7. Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch: 500.000 đồng/văn bản	7. Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	7. Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch: 500.000 đồng/văn bản	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND. Theo đó, không chia mức chi theo từng cấp hành

-	a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/bài viết	-	chính vì mức chi 500.000 đồng/văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch là phù hợp với thực tế và để đảm bảo chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn. Mức này bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
-	b) Cấp huyện: 400.000 đồng/bài viết	-	
-	c) Cấp xã: 350.000 đồng/bài viết	-	
Điều 4. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	III. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Điều 4. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	- Cơ sở pháp lý: Khoản 12 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
1. Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày).	1. Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 01 ngày).	1. Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 01 ngày).	- Kế thừa quy định mức chi tại 02 Nghị quyết hiện hành (bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC).
2. Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt: 20.000 đồng/người/buổi.	2. Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt: 20.000 đồng/người/buổi.	2. Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt: 20.000 đồng/người/buổi.	
Điều 5. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi	IV. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi	Điều 5. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi	Cơ sở pháp lý: Điểm c, d Khoản 13 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
1. Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên mạng internet, có thêm mức chi đặc thù sau: Thuê văn	1. Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet	1. Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet	Kế thừa quy định mức chi tại

nghệ, diễn viên: 450.000 đồng/người/ngày;	Thuê văn nghệ, diễn viên (mức chi đặc thù): 450.000 đồng/người/ngày	Thuê văn nghệ, diễn viên (mức chi đặc thù): 450.000 đồng/người/ngày	02 Nghị quyết hiện hành (bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC).
2. Chi giải thưởng	2. Chi giải thưởng	2. Chi giải thưởng	-
a) Cuộc thi quy mô cấp tỉnh	a) Cuộc thi quy mô cấp tỉnh	a) Cuộc thi quy mô cấp tỉnh	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND, theo đó cuộc thi quy mô cấp tỉnh bằng 90% mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
- Giải nhất	- Giải nhất	- Giải nhất	
+ Tập thể: 12.000.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 13.500.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 13.500.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 7.200.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 8.100.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 8.100.000 đồng/giải thưởng	
- Giải nhì	- Giải nhì	- Giải nhì	
+ Tập thể: 8.400.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 9.450.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 9.450.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 3.600.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 4.050.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 4.050.000 đồng/giải thưởng	
- Giải ba	- Giải ba	- Giải ba	
+ Tập thể: 6.000.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 6.750.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 6.750.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 2.400.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 2.700.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 2.700.000 đồng/giải thưởng	
- Giải khuyến khích	- Giải khuyến khích	- Giải khuyến khích	
+ Tập thể: 3.600.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 4.050.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 4.050.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 1.200.000 đồng/giải	+ Cá nhân: 1.350.000 đồng/giải	+ Cá nhân: 1.350.000 đồng/giải thưởng	

thưởng	thưởng		
- Giải phụ khác: 600.000 đồng/giải thưởng	- Giải phụ khác: 670.000 đồng/giải thưởng	- Giải phụ khác: 670.000 đồng/giải thưởng	
b) Cuộc thi quy mô cấp huyện	b) Cuộc thi quy mô cấp huyện	-	-
- Giải nhất	- Giải nhất	-	-
+ Tập thể: 8.400.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 12.000.000 đồng/giải thưởng	-	-
+ Cá nhân: 4.800.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 7.200.000 đồng/giải thưởng	-	-
- Giải nhì	- Giải nhì	-	-
+ Tập thể: 6.000.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 8.400.000 đồng/giải thưởng	-	-
+ Cá nhân: 2.400.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 3.600.000 đồng/giải thưởng	-	-
- Giải ba	- Giải ba	-	-
+ Tập thể: 4.200.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 6.000.000 đồng/giải thưởng	-	-
+ Cá nhân: 1.800.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 2.400.000 đồng/giải thưởng	-	-
- Giải khuyến khích	- Giải khuyến khích	-	-
+ Tập thể: 2.400.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 3.600.000 đồng/giải thưởng	-	-
+ Cá nhân: 800.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 1.200.000 đồng/giải thưởng	-	-

- Giải phụ khác: 420.000 đồng/giải thưởng	- Giải phụ khác: 600.000 đồng/giải thưởng	-	-
c) Cuộc thi quy mô cấp xã	c) Cuộc thi quy mô cấp xã	c) Cuộc thi quy mô cấp xã	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND, theo đó cuộc thi quy mô cấp xã bằng 80% mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC (bằng mức chi cuộc thi quy mô cấp huyện trước đây).
- Giải nhất	- Giải nhất	- Giải nhất	
+ Tập thể: 6.000.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 10.500.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 12.000.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 3.600.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 6.300.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 7.200.000 đồng/giải thưởng	
- Giải nhì	- Giải nhì	- Giải nhì	
+ Tập thể: 4.200.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 7.350.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 8.400.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 1.800.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 3.150.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 3.600.000 đồng/giải thưởng	
- Giải ba	- Giải ba	- Giải ba	
+ Tập thể: 3.000.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 5.250.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 6.000.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 1.200.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 2.100.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 2.400.000 đồng/giải thưởng	
- Giải khuyến khích	- Giải khuyến khích	- Giải khuyến khích	
+ Tập thể: 1.800.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 3.150.000 đồng/giải thưởng	+ Tập thể: 3.600.000 đồng/giải thưởng	
+ Cá nhân: 600.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 1.050.000 đồng/giải thưởng	+ Cá nhân: 1.200.000 đồng/giải thưởng	
- Giải phụ khác: 300.000 đồng/giải	- Giải phụ khác: 520.000 đồng/giải	- Giải phụ khác: 600.000 đồng/giải	

thường	thường	thường	
Điều 6. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	V. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của Ủy ban nhân dân các cấp	Điều 6. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của Ủy ban nhân dân các cấp	- Cơ sở pháp lý: Khoản 14 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
1. Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của địa phương	1. Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo	1. Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo: 75.000 đồng/báo cáo	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND. Theo đó, không chia mức chi theo từng cấp hành chính vì mức chi 75.000 đồng/báo cáo là phù hợp với thực tế và để đảm bảo chất lượng công tác thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo. Mức này bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
- Cấp tỉnh: 75.000 đồng/báo cáo	a) Cấp tỉnh: 67.000 đồng/báo cáo	-	
- Cấp huyện: 75.000 đồng/báo cáo	b) Cấp huyện: 60.000 đồng/báo cáo	-	
-	c) Cấp xã: 52.000 đồng/báo cáo	-	
2. Báo cáo của địa phương	2. Báo cáo thống kê (bao gồm báo cáo: định kỳ hàng năm, chuyên đề, đột xuất)	2. Báo cáo thống kê	-
- Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo	- Cấp tỉnh: 4.050.000 đồng/báo cáo	- Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND theo hướng quy định bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC.
- Cấp huyện: 3.600.000 đồng/báo cáo	- Cấp huyện: 3.600.000 đồng/báo cáo	-	-
- Cấp xã: 3.000.000 đồng/báo cáo	- Cấp xã: 3.150.000 đồng/báo cáo	- Cấp xã: 3.600.000 đồng/báo cáo	Kế thừa quy định mức chi tại Nghị quyết số 100/2024/NQ-

			HĐND với mức chi bằng 80% so với mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC (bằng mức chi của cấp huyện trước đây).
Điều 7. Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở	VI. Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở	Điều 7. Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở	- Cơ sở pháp lý: Khoản 17 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC. - Kế thừa quy định mức chi tại 02 Nghị quyết hiện hành (bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC).
1. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 300.000 đồng/vụ, việc. Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: 400.000 đồng/vụ, việc.	1. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải)	1. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải)	
-	a) Chi thù lao cho hòa giải viên (áp dụng đối với trường hợp hòa giải không thành theo Điều 27 Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13): 300.000 đồng/vụ, việc	a) Chi thù lao cho hòa giải viên (áp dụng đối với trường hợp hòa giải không thành theo Điều 27 Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13): 300.000 đồng/vụ, việc	
-	b) Chi thù lao cho hòa giải viên (áp dụng đối với trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở): 400.000 đồng/vụ, việc	b) Chi thù lao cho hòa giải viên (áp dụng đối với trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở): 400.000 đồng/vụ, việc	
2. Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở.	2. Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở	2. Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở	
3. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa	3. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa	3. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải	

giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.	giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng	(chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng	
Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Chi thường xuyên ngân sách địa phương để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của địa phương và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện theo phân cấp ngân sách nhà nước. 2. Kinh phí từ nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. 3. Nguồn kinh phí xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật thực hiện theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.	-	-	Không quy định vì Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân tỉnh “ <i>quy định các mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.</i> ”. Ngoài ra, không giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các nội dung khác, trong đó có nguồn kinh phí thực hiện (nội dung này được giải trình tại Tờ trình của UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến nguồn lực bảo đảm thi hành Nghị quyết).

*** THUYẾT MINH TỔNG HỢP VỀ CÁC MỨC CHI ĐƯỢC XÂY DỰNG TẠI DỰ THẢO QUY ĐỊNH (BAN HÀNH KÈM DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT)**

1. Các mức chi đề xuất giữ nguyên như 02 Nghị quyết hiện hành, gồm:

- Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù (Điều 2).
- Chi tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát (Điểm b Khoản 1 Điều 3); chi soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch (Khoản 2 Điều 3).
- Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt (Điều 4).
- Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet (Khoản 1 Điều 5).
- Chi báo cáo thống kê (Khoản 2 Điều 6).
- Chi công tác hòa giải ở cơ sở (Điều 7).

*** Thuyết minh:**

Các mức chi tại 02 Nghị quyết hiện hành không vượt quá mức tối đa được quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và xác định mức chi của cấp xã bằng mức chi của cấp huyện trước đây. Trong đó:

- Việc đề xuất giữ nguyên các mức chi như 02 Nghị quyết hiện hành là phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhằm duy trì ổn định, thống nhất, tránh sự biến động, thay đổi, tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng của các đơn vị sử dụng ngân sách.

- Việc xác định mức chi của cấp xã bằng mức chi của cấp huyện trước đây là phù hợp: Vì hiện nay, với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cấp xã đã có sự thay đổi, mở rộng về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, phạm vi, quy mô quản lý. Đồng thời, việc tăng mức chi của cấp xã ở các nội dung này cũng nhằm đảm bảo phù hợp với tỷ lệ trượt giá của tiền tệ trên thị trường.

2. Các mức chi đề xuất kế thừa quy định của Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (cũ):

- Chi xây dựng đề cương chi tiết (Điểm a Khoản 1 Điều 3); chi tổ chức họp, tọa đàm góp ý (Khoản 3 Điều 3); chi ý kiến tư vấn của chuyên gia (Khoản 4 Điều 3); chi xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch (Khoản 5 Điều 3); chi ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch (Khoản 6 Điều 3); chi xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch (Khoản 7 Điều 3).

- Chi thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo (Khoản 1 Điều 6).

** Thuyết minh:*

Mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND không vượt quá mức tối đa được quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và phần lớn không chia thành các cấp quản lý hành chính mà áp dụng một mức chi chung bằng mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC là phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhằm đảm bảo tính ổn định, thống nhất, tránh sự biến động, thay đổi, tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng của các đơn vị sử dụng ngân sách.

3. Các mức chi đề xuất áp dụng theo Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (cũ):
Các mức chi cho giải thưởng (Khoản 2 Điều 5).

** Thuyết minh:*

Mức chi tại Nghị quyết số 100/2024/NQ-HĐND không vượt quá mức tối đa được quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và mức chi này có cao hơn mức chi tại Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (cũ) nhằm tạo sự thống nhất, thuận lợi cho quá trình áp dụng của các đơn vị sử dụng ngân sách. Đồng thời, đảm bảo tính phù hợp của mức chi với biến động giá cả thị trường, chi phí thuê dịch vụ và các vật tư, sản phẩm đáp ứng cho việc tổ chức các cuộc thi theo quy mô từng cấp hành chính. Theo đó, cuộc thi quy mô cấp tỉnh bằng 90% mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC, cuộc thi quy mô cấp xã bằng 80% mức tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC (mức chi cho cuộc thi quy mô cấp xã bằng mức chi cho cuộc thi quy mô cấp huyện để phù hợp với sự thay đổi, mở rộng về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, phạm vi, quy mô quản lý và tỷ lệ trượt giá của tiền tệ trên thị trường)/.